

Số: 149/2024/QĐST - HNGĐ

K, ngày 21 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
====***=====

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 194/2024/TLST - HNGĐ ngày 04/10/2024.

Giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Minh S**, sinh năm 1992; ĐKKH và trú tại: **xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình**.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1992; ĐKKH tại: **xóm G, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Hiện đang tạm trú tại: **xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình**.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào **điểm a, khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/10/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/10/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Trần Minh S** với chị **Trần Thị H**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Giao anh **S** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là **Trần Khánh C**, sinh ngày 21/5/2013; **Trần Khánh M**, sinh ngày 22/10/2015 và **Trần Ngọc A**, sinh ngày 14/3/2022 cho đến khi con thành niên. Chị **H** cú trách nhiệm đứng góp tiền nui con chung cho anh **S** mỗi tháng là 4.500.000^đ (Cụ thể: Con **Trần Khánh C**

là 1.500.000^d/1 tháng, con **Trần Khánh M** là 1.500.000^d/1 tháng và con **Trần Ngọc A** là 1.500.000^d/1 tháng) kể từ tháng 11/2024 đến khi con thành niên.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Anh **Trần Minh S** nộp 150.000^d án phí ly hôn và 150.000^d ôn phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001863 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày **anh S** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu **chị H** không nộp số tiền phải nộp nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thế Anh